Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-08-04 08:06:58 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42/2026/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (sau đây viết tắt là Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt) tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược) là đề xuất về những vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây viết tắt là bộ, ngành, địa phương) để xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng nhằm phát triển công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng) thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt là nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược do các bộ, ngành, địa phương đặt hàng tổ chức, doanh nghiệp triển khai thực hiện nhằm phát triển công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 4. Căn cứ xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược nhằm phát triển công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành được xây dựng căn cứ vào một trong các trường hợp sau đây:

1. Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành, địa phương quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, do bộ, ngành, địa phương đặt hàng để Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và tổ chức thực hiện.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

1. Xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược phải đáp ứng các nguyên tắc sau:

a) Có đủ căn cứ về tính cấp thiết, đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP;

b) Có lộ trình phát triển công nghệ hoặc phương án thương mại hóa hoặc phương án sử dụng kết quả đầu ra;

c) Có dự kiến thời gian thực hiện;

d) Có dự kiến tổng kinh phí thực hiện, bao gồm cơ cấu nguồn vốn và dự kiến kinh phí các nội dung chính.

2. Trong xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, khuyến khích xác định tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công

nghệ chiến lược để làm cơ sở thực hiện chính sách quy định tại điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Yêu cầu đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

2. Có tính cấp thiết, tính mới; giải quyết được vấn đề, bài toán thực tiễn của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương.

3. Có tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc hình thành năng lực làm chủ công nghệ, sản phẩm của quốc gia hoặc có tầm quan trọng đối với quốc phòng, an ninh.

4. Huy động nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học.

5. Có đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc có phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả, phù hợp với tính chất và mục tiêu của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

6. Không trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện.

Điều 7. Nội dung phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

Nội dung phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng bao gồm: tên; mục tiêu; yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá; phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp; nguồn đề xuất nhiệm vụ. Các nội dung này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Thông tư này, trong đó:

1. Mục "Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá" bao gồm các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật chủ yếu và yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra. Căn cứ mục tiêu, tính chất của từng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, xác định các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và các yêu cầu khác có liên quan (nếu có).

2. Mục "Phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp" thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

Điều 8. Trình tự xây dựng, tổng hợp và rà soát đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

1. Định kỳ hoặc đột xuất, bộ, ngành, địa phương thông báo kêu gọi đề xuất

nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

a) Căn cứ thông báo kêu gọi, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến bộ, ngành, địa phương thông qua Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (sau đây viết tắt là Nền tảng số quản lý nhiệm vụ) hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc hệ thống thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương (nếu có) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cam kết đồng ý để bộ, ngành, địa phương sử dụng nội dung đề xuất làm căn cứ xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

3. Bộ, ngành, địa phương chủ động thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL.

4. Bộ, ngành, địa phương tổng hợp đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu A2-THĐX-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bộ, ngành, địa phương thực hiện tra cứu thông tin các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược để phục vụ rà soát sự trùng lặp trong quá trình xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng. Việc tra cứu thông tin được thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Hệ thống thông tin); trường hợp không tra cứu được trên Hệ thống thông tin thì gửi văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin. Kết quả tra cứu thông tin được lập theo Biểu mẫu A3-KQTrC-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Phương thức xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn một trong các phương thức sau để xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

a) Thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

b) Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Trên cơ sở kết quả tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, bộ, ngành, địa phương hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

Điều 10. Thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

1. Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn) có từ 07 đến 09 thành viên, trong đó có Chủ tịch,

Phó Chủ tịch, các ủy viên phản biện và các ủy viên để xem xét, đánh giá một hoặc một số đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược và xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng trong cùng ngành, lĩnh vực. Đối với mỗi đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, phân công 02 thành viên làm ủy viên phản biện.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn:

a) Gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và nhà kinh doanh có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với ngành, lĩnh vực của đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; trong đó ưu tiên lựa chọn các nhà khoa học từ cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tùy theo tính chất của đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, có thể mời chuyên gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, kinh tế, tài chính hoặc lĩnh vực khác có liên quan tham gia Hội đồng tư vấn;

c) Việc lựa chọn nhà khoa học từ cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện trên Hệ thống thông tin; trường hợp không tra cứu được trên Hệ thống thông tin thì gửi văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp chuyên gia.

3. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn khác với quy định tại khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm giúp bộ, ngành, địa phương xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng có nội dung theo quy định tại Điều 7 Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính khoa học, tính khả thi và sự phù hợp của nội dung nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được kiến nghị đặt hàng.

5. Trường hợp có từ hai đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược trở lên có nội dung trùng hoặc tương đồng về mục tiêu, công nghệ, sản phẩm hoặc nội dung nghiên cứu, phát triển, Hội đồng tư vấn xem xét, lựa chọn các nội dung phù hợp để tổng hợp, hoàn thiện và xây dựng thành một nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

6. Bộ, ngành, địa phương cử 02 thư ký hành chính giúp việc Hội đồng tư vấn để chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn.

Điều 11. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

a) Phương thức họp trực tiếp;

b) Phương thức họp trực tuyến;

c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Phiên họp Hội đồng tư vấn phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó bắt buộc có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và các ủy viên phản biện. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì phiên họp. Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng cho Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện theo Biểu mẫu B1-GUQ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thành viên của Hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến nhận xét đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thực hiện việc cho ý kiến nhận xét trên Nền tảng số quản lý nhiệm vụ hoặc trực tiếp theo Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL;

c) Được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng tư vấn, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn;

d) Không tiết lộ, sử dụng thông tin, tài liệu trong hồ sơ ngoài phạm vi hoạt động của Hội đồng tư vấn; giữ bí mật các thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Tài khoản người dùng và tài liệu phục vụ họp được gửi cho thành viên Hội đồng tư vấn thông qua Nền tảng số quản lý nhiệm vụ hoặc qua địa chỉ thư điện tử tối thiểu 03 ngày làm việc trước cuộc họp gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn;

b) Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

c) Các biểu mẫu, phụ lục phục vụ nhận xét, đánh giá phù hợp với đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

d) Kết quả tra cứu thông tin các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược có liên quan đã và đang thực hiện, tài liệu hoặc văn bản điện tử khác (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học và bảo đảm liêm chính khoa học. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia dự họp nhất trí.

Điều 12. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.

2. Đại diện bộ, ngành, địa phương tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng tư vấn.

3. Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì các cuộc họp của Hội đồng tư vấn. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền chủ trì cuộc họp. Hội đồng tư vấn có thể tổ chức một hoặc một số cuộc họp theo yêu cầu của việc xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

4. Hội đồng tư vấn cử 01 thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại cuộc họp và ghi biên bản các cuộc họp theo Biểu mẫu B5-BBHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đại diện tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược hoặc chuyên gia trong nước, nước ngoài tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ trình bày nội dung cơ bản của đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

6. Hội đồng tư vấn thảo luận về các nội dung theo quy định tại Điều 4, 5, 6 và Điều 7 Thông tư này.

7. Các thành viên của Hội đồng tư vấn đánh giá đề xuất nhiệm vụ phát triển

công nghệ chiến lược thông qua Nền tảng số quản lý nhiệm vụ hoặc trực tiếp theo Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được đề nghị "Thực hiện" khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá "Đạt yêu cầu" và đề nghị "Không thực hiện" khi một trong các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá "Không đạt yêu cầu".

8. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng tư vấn. Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được đề nghị "Thực hiện" khi có trên 3/4 tổng số Phiếu đánh giá "Đạt yêu cầu". Kết quả họp Hội đồng tư vấn được cập nhật trên Nền tảng số quản lý nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc phiên họp trong trường hợp hệ thống đang được vận hành hoạt động.

9. Đối với đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được đề nghị "Thực hiện", các ủy viên phản biện và Thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn về thông tin nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, trong đó có các nội dung kiến nghị phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

10. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả họp, Hội đồng tư vấn chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện thông tin nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược kiến nghị đặt hàng theo Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Đối với đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được đề nghị "Không thực hiện", Hội đồng tư vấn thống nhất về lý do không đề nghị thực hiện.

Điều 13. Thuê chuyên gia xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn, thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và số lượng chuyên gia tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng trên cơ sở năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và uy tín trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chuyên gia trong nước, nước ngoài xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại Điều 4, 5, 6 và Điều 7 Thông tư này. Kết quả tư vấn được thể hiện bằng kiến nghị nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng có thông tin theo Biểu mẫu B7-KNCG-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó có các nội dung kiến nghị phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Chuyên gia trong nước, nước ngoài có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

Điều 14. Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho bộ, ngành, địa phương quản lý và tổ chức thực hiện

1. Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây gọi tắt là hồ sơ nhiệm vụ) bằng

hình thức trực tuyến thông qua Nền tảng số quản lý nhiệm vụ hoặc qua Trục liên thông văn bản quốc gia, trường hợp không thực hiện được bằng hình thức trực tuyến thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ nhiệm vụ gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng. Trường hợp hồ sơ nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng thì không bao gồm thành phần quy định tại điểm này;

b) Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu B8-NVĐH-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phiếu đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL;

d) Kết quả tra cứu thông tin theo Biểu mẫu A3-KQTrC-CNCL; trường hợp xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thông qua Hội đồng tư vấn thì có bản kiến nghị theo Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL và biên bản họp Hội đồng theo Biểu mẫu B5-BBHĐ-CNCL; trường hợp xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thông qua chuyên gia trong nước, nước ngoài thì có kiến nghị của chuyên gia theo Biểu mẫu B7-KNCG-CNCL;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ nhiệm vụ. Trường hợp hồ sơ nhiệm vụ không đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản đề nghị bộ, ngành, địa phương bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

Trường hợp nhận đủ hồ sơ nhiệm vụ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn liên Bộ để thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn liên Bộ).

3. Hội đồng tư vấn liên Bộ:

a) Hội đồng tư vấn liên Bộ có các thành viên, gồm Chủ tịch, ủy viên kiêm thư ký và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng tư vấn liên Bộ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định. Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng tư vấn liên Bộ là chuyên viên của đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Thành phần Hội đồng tư vấn liên Bộ bao gồm đại diện bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan và chuyên gia trong nước, nước ngoài (nếu cần);

c) Căn cứ tính chất, ngành, lĩnh vực và yêu cầu chuyên môn của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ và thành phần Hội đồng tư vấn liên Bộ khác với quy định tại điểm b khoản này;

d) Hội đồng tư vấn liên Bộ có trách nhiệm thẩm định, rà soát nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP; thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; rà soát việc xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này; thẩm định việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 6 và nội dung phê duyệt nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Thông tư này;

đ) Hội đồng tư vấn liên Bộ có thể thẩm định, rà soát một hoặc một số nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc cùng ngành, lĩnh vực.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ cử 02 thư ký hành chính giúp việc Hội đồng tư vấn liên Bộ để chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn liên Bộ. Cuộc họp của Hội đồng tư vấn liên Bộ thẩm định hồ sơ nhiệm vụ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự.

5. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ:

a) Nghiên cứu hồ sơ nhiệm vụ; thẩm định và cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ quản lý và chuyên môn về hồ sơ nhiệm vụ đủ điều kiện hoặc đủ điều kiện nhưng cần hoàn thiện, bổ sung (nêu rõ các nội dung cần tiếp thu, hoàn thiện) hoặc không đủ điều kiện phê duyệt theo Biểu mẫu C1-PNXLB-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong trường hợp không thể tham gia được cuộc họp Hội đồng tư vấn liên Bộ, thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp thẩm định;

c) Được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng tư vấn liên Bộ, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn liên Bộ;

d) Có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

6. Tổ chức họp Hội đồng tư vấn liên Bộ:

a) Phương thức họp Hội đồng tư vấn liên Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn liên Bộ;

c) Chủ tịch Hội đồng tư vấn liên Bộ chủ trì các cuộc họp của Hội đồng tư vấn liên Bộ;

d) Đại diện bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ nhiệm vụ phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, chuyên gia tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (nếu có) trình bày nội dung nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng; chủ động cung cấp thông tin, tài liệu liên quan phục vụ hoạt động tư vấn của Hội đồng tư vấn liên Bộ (nếu có); cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn liên Bộ;

đ) Các thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ nhiệm vụ;

e) Thư ký của Hội đồng tư vấn liên Bộ đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt; ghi biên bản họp Hội đồng tư vấn liên Bộ đối với từng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu C2-BBHĐLB-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc họp Hội đồng tư vấn liên Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện báo cáo thẩm định gửi bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ nhiệm vụ theo Biểu mẫu C3-BCTĐ-

CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Kết luận tại báo cáo thẩm định cần thể hiện rõ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng đủ điều kiện hoặc đủ điều kiện nhưng cần hoàn thiện, bổ sung (nêu rõ các nội dung cần tiếp thu, hoàn thiện) hoặc không đủ điều kiện phê duyệt.

a) Trường hợp kết luận nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư này, chịu trách nhiệm về quyết định phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng về Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Trường hợp kết luận đủ điều kiện phê duyệt nhưng cần hoàn thiện, bổ sung:

b1) Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hoàn thiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo ý kiến thẩm định; phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư này và chịu trách nhiệm về quyết định phê duyệt;

b2) Gửi quyết định phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Trường hợp kết luận không đủ điều kiện phê duyệt, bộ, ngành, địa phương không phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

8. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, bộ, ngành, địa phương công bố công khai nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Điều 15. Rà soát, lựa chọn và phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt do bộ, ngành, địa phương đặt hàng để Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và tổ chức thực hiện

1. Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này. Trường hợp nhận đủ hồ sơ nhiệm vụ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia liên Bộ để rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

3. Tổ chuyên gia liên Bộ:

a) Tổ chuyên gia liên Bộ có các thành viên, gồm Tổ trưởng, ủy viên kiêm thư ký và các ủy viên. Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên Bộ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định. Ủy viên kiêm thư ký Tổ chuyên gia liên Bộ là chuyên viên của đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Thành phần Tổ chuyên gia liên Bộ bao gồm đại diện bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan; đại diện bộ, ngành, địa phương đặt hàng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; chuyên gia trong nước, nước ngoài (nếu cần);

c) Căn cứ tính chất, ngành, lĩnh vực và yêu cầu chuyên môn của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ;

d) Tổ chuyên gia liên Bộ có trách nhiệm rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng về tính hợp pháp của hồ sơ nhiệm vụ; sự phù hợp với Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành; tính không trùng lặp; đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP; tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP; thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này; rà soát việc xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này;

đ) Tổ chuyên gia liên Bộ có thể rà soát, lựa chọn một hoặc một số nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng trong cùng ngành, lĩnh vực.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ cử 02 thư ký hành chính giúp việc Tổ chuyên gia liên Bộ để chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Tổ chuyên gia liên Bộ. Cuộc họp của Tổ chuyên gia liên Bộ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ tham dự.

5. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ:

a) Nghiên cứu hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng; rà soát, lựa chọn và cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ quản lý và chuyên môn về hồ sơ nhiệm vụ đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện phê duyệt theo Biểu mẫu C1-PNXLB-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong trường hợp không thể tham gia được cuộc họp Tổ chuyên gia liên Bộ, thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ gửi ý kiến rà soát, lựa chọn bằng văn bản đến Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp;

c) Được quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Tổ chuyên gia liên Bộ, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Tổ chuyên gia liên Bộ;

d) Có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

6. Tổ chức họp Tổ chuyên gia liên Bộ:

a) Phương thức họp Tổ chuyên gia liên Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia liên Bộ;

c) Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên Bộ chủ trì các cuộc họp;

d) Các thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ cho ý kiến rà soát, lựa chọn đối với hồ sơ nhiệm vụ;

đ) Thư ký của Tổ chuyên gia liên Bộ đọc ý kiến rà soát, lựa chọn bằng văn bản của thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ vắng mặt; ghi biên bản họp của Tổ chuyên gia liên Bộ đối với từng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu C4-BBTCGLB-CNCL và tổng hợp kết quả rà soát, lựa chọn

theo Biểu mẫu C5-KNTCG-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp Tổ chuyên gia liên Bộ kết luận nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng không đủ điều kiện phê duyệt thì phải nêu rõ lý do trong biên bản họp.

7. Trường hợp Tổ chuyên gia liên Bộ kết luận nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt nội dung nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

8. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng trên Nền tảng số quản lý nhiệm vụ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức có đủ năng lực triển khai thực hiện.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ gửi kết quả rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng đến bộ, ngành, địa phương đặt hàng.

Điều 16. Tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược chứa bí mật nhà nước

Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng liên quan đến bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Thông tư này và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương đang được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành thì trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng được tiếp tục thực hiện như sau:

1. Đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định trước ngày 01 tháng 7 năm 2026:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng báo cáo thẩm định theo Biểu mẫu BM-07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN);

b) Căn cứ báo cáo thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan trung ương tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện, phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 14 Thông tư này. Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng được phê duyệt phải bảo đảm đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm

a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

2. Đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là hồ sơ đề xuất nhiệm vụ) đến Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 nhưng chưa tổ chức thẩm định thì tiếp tục thẩm định, phê duyệt theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 14 Thông tư này. Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đã gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 không phải lập lại và được tiếp tục sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư này.

3. Đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đang được bộ, cơ quan trung ương xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 và chưa gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đến Bộ Khoa học và Công nghệ thì thực hiện như sau:

a) Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo Biểu mẫu B8-NVĐH-CNCL. Các tài liệu đã được lập trong quá trình xây dựng nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 không phải lập lại, được sử dụng để hoàn thiện Biểu mẫu B8-NVĐH-CNCL và tiếp tục được sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư này;

b) Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

4. Chi thù lao của Hội đồng tư vấn liên Bộ thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng được áp dụng mức chi của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt quy định tại mục 1 điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 11 năm 2025 quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tổ chức thẩm định cho các nhiệm vụ chuyển tiếp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Bãi bỏ cụm từ "nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược" tại Điều 3, Điều 4 và nội dung "nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược" tại các Biểu mẫu BM-05, BM-06 và Biểu mẫu BM-07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL:** Phiếu đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

2. **Biểu mẫu A2-THĐX-CNCL:** Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

3. **Biểu mẫu A3-KQTrC-CNCL:** Kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

4. **Biểu mẫu B1-GUQ-CNCL:** Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cho Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn.

5. **Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL:** Phiếu ý kiến nhận xét đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược của thành viên Hội đồng tư vấn.

6. **Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL:** Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược của thành viên Hội đồng tư vấn.

7. **Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL:** Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược của Hội đồng tư vấn.

8. **Biểu mẫu B5-BBHĐ-CNCL:** Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

9. **Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL:** Kiến nghị của Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

10. **Biểu mẫu B7-KNCG-CNCL:** Kiến nghị của chuyên gia tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

11. **Biểu mẫu B8-NVĐH-CNCL:** Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng của bộ, ngành, địa phương.

12. **Biểu mẫu C1-PNXLB-CNCL:** Phiếu nhận xét của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ/Tổ chuyên gia liên Bộ về nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

13. **Biểu mẫu C2-BBHĐLB-CNCL:** Biên bản họp Hội đồng tư vấn liên Bộ thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

14. **Biểu mẫu C3-BCTĐ-CNCL:** Báo cáo thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

15. **Biểu mẫu C4-BBTCGLB-CNCL:** Biên bản họp Tổ chuyên gia liên Bộ rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

16. **Biểu mẫu C5-KNTCG-CNCL:** Kiến nghị của Tổ chuyên gia liên Bộ về nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

A1-ĐXNV-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG[1]
TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề xuất nhiệm vụ:

Tên ngắn gọn, thể hiện rõ đối tượng công nghệ hoặc sản phẩm chính.

.....

.....

2. Tổ chức, cá nhân đề xuất:

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ hoặc chuyên gia trong nước, nước ngoài xây dựng đề xuất nhiệm vụ: Tên:[3].....; Mã/số định danh điện tử (nếu có):[4].....; Số hộ chiếu:[5] ……; Điện thoại:.....; Email:.....; Địa chỉ liên hệ:.....

.....

.....

3. Thời gian thực hiện dự kiến: …….. tháng (từ tháng … năm … đến tháng … năm …).

4. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: ……tỷ đồng.

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện được xác định trên cơ sở các nội dung chi tại Phụ lục kèm theo Biểu mẫu này.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: ……%.
- Ngoài ngân sách nhà nước[6]: ……%.

II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

1. Căn cứ xây dựng:

1.1. Căn cứ pháp lý

---

[1] Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có cơ quan chủ quản.
[2] Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ).
[3] Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia trong nước, nước ngoài.
[4] Mã định danh điện tử của tổ chức, doanh nghiệp; Số định danh điện tử của cá nhân, chuyên gia trong nước, nước ngoài.
[5] Đối với chuyên gia nước ngoài.
[6] Từ khoản chi của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các nguồn chi khác (nếu có).

Nêu trường hợp và căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN[7]; Nghị quyết, quy hoạch, chương trình, đề án của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan đến đề xuất nhiệm vụ.

.....

.....

.....

1.2. Công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược có liên quan:

Ghi tên và số thứ tự trong Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

.....

.....

.....

2. Tính cấp thiết:

2.1. Bài toán hoặc nhu cầu thực tiễn cần giải quyết

Nêu rõ bài toán, vấn đề của quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc nhu cầu thị trường cần giải quyết; tính mới, tính cấp thiết và hệ quả nếu không giải quyết.

.....

.....

.....

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nêu tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế; công nghệ/sản phẩm hiện có, mức độ phụ thuộc vào nước ngoài, hạn chế chính và khoảng cách giữa hiện trạng với yêu cầu cần đạt.

.....

.....

.....

2.3. Lý do cần Nhà nước xem xét đặt hàng

Làm rõ tính cấp thiết, tính chiến lược, mức độ rủi ro, quy mô nguồn lực hoặc yêu cầu phối hợp vượt quá khả năng tự triển khai của một tổ chức, doanh nghiệp.

.....

.....

.....

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nêu kết quả cuối cùng cần đạt, gắn trực tiếp với bài toán cần giải quyết.

.....

[7] Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

.....

.....

3.2. Mục tiêu cụ thể

Nêu các mục tiêu chính, đáp ứng mục tiêu của Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

.....

.....

.....

4. Các nội dung chính cần thực hiện:

Nêu các nội dung chính cần thực hiện gắn với mốc đánh giá; đối với mỗi mốc đánh giá nêu rõ kết quả dự kiến đạt được tại mốc.

.....

.....

.....

5. Dự kiến yêu cầu đối với sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá cần đạt:

5.1 Sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá

Nêu sản phẩm đầu ra chính, số lượng, các chỉ tiêu đánh giá cần đạt.

.....

.....

.....

5.2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất của nhiệm vụ, nêu các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, như: đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được hình thành; bài báo khoa học được công bố; công nghệ lõi được làm chủ hoặc tạo ra; thiết kế, giải pháp hoặc quy trình công nghệ cần làm chủ; tỷ lệ giá trị gia tăng hoặc tỷ lệ nội địa hóa cần đạt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng; giá trị kinh tế tạo ra; các tiêu chí khác (nếu có).

.....

.....

.....

6. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

6.1. Năng lực trong nước có thể huy động

Nêu nhóm tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có khả năng tham gia; không bắt buộc xác định tổ chức chủ trì chính thức.

.....

.....

.....

6.2. Kết quả, nền tảng hoặc tài sản công nghệ đã có

Nêu các kết quả có thể kế thừa, sở hữu trí tuệ, nguyên mẫu, phòng thí nghiệm, thiết bị, dữ liệu hoặc hạ tầng thử nghiệm.

.....

.....

.....

6.3. Phương án tổ chức triển khai

Nêu dự kiến phương án phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức nước ngoài (nếu có).

.....

.....

.....

6.4. Rủi ro chính và phương án xử lý sơ bộ

Đánh giá các rủi ro chính của đề xuất nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý.

.....

.....

.....

7. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

Căn cứ tính chất, mục tiêu của nhiệm vụ, nêu dự kiến đơn vị tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc nêu phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả.

.....

.....

.....

8. Dự kiến hiệu quả và tác động:

Nêu tác động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh; khả năng tạo giá trị gia tăng, tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập khẩu, khả năng xuất khẩu, tạo việc làm, hình thành chuỗi cung ứng và các tác động lan tỏa khác.

8.1. Về kinh tế - xã hội

8.2. Về khoa học và công nghệ

8.3. Về quốc phòng, an ninh

.....

.....

III. Thông tin khác

1. Đề xuất giao trực tiếp thực hiện đề xuất nhiệm vụ (nếu có):

Nêu rõ về việc tổ chức, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ đáp ứng điều kiện giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng quy

định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

.....

.....

.....

2. Cam kết đồng ý để sử dụng đề xuất nhiệm vụ làm căn cứ xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ hoặc chuyên gia trong nước, nước ngoài xây dựng đề xuất nhiệm vụ cam kết đồng ý để bộ, ngành, địa phương sử dụng nội dung đề xuất nhiệm vụ làm căn cứ xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

.....

.....

.....

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia trong nước, nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, đầy đủ của thông tin, số liệu, tài liệu và các nội dung trong Phiếu đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, CHUYÊN GIA TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

(Ký và ghi rõ họ, tên - đóng dấu đối với doanh nghiệp, tổ chức)

Phụ lục

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[14]

(Kèm theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia ngày ... tháng ... năm 20.....)

Số TT	Nội dung các khoản chi dự kiến[15]	Tổng kinh phí dự kiến	Nguồn vốn dự kiến	
			Ngân sách nhà nước dự kiến[16]	Ngoài ngân sách nhà nước dự kiến
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	Chi thù lao thực hiện đề xuất nhiệm vụ			
2	Thuê chuyên gia: - Trong nước - Nước ngoài - Tổng công trình sư - Nhà khoa học xuất sắc			
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật			
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản			
5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị			
6	Dịch vụ thuê ngoài			
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu			
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn			
9	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế			
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện đề xuất nhiệm vụ			
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và			

[14] Chi tiết cho mục 4 nội dung I Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL.

[15] Nội dung các khoản chi dự kiến của đề xuất nhiệm vụ được dự kiến theo quy định về cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt.

[16] Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương thì khi dự toán tách thành 02 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP).

	nước ngoài đối với kết quả thực hiện đề xuất nhiệm vụ			
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của đề xuất nhiệm vụ			
13	Công tác quản lý chung đề xuất nhiệm vụ			
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện đề xuất nhiệm vụ			
	Tổng cộng			

Biểu mẫu A2-THĐX-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Bộ, ngành, địa phương tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ) như sau:

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Mục tiêu	Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia trong, ngoài nước)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
…	…….				

Biểu mẫu A3-KQTrC-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

ĐƠN VỊ TRA CỨU THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

KẾT QUẢ TRA CỨU THÔNG TIN

Các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

I. Thông tin về đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

1. Tên đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....

.....

2. Mục tiêu:

.....

.....

3. Nội dung nghiên cứu:

.....

.....

4. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

.....

.....

II. Kết quả tra cứu về các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

Số TT	Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược	Năm bắt đầu - kết thúc	Mục tiêu	Nội dung nghiên cứu	Kết quả đã (hoặc dự kiến) đạt được	Tên tổ chức và cá nhân chủ trì
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1						
2						
.....	.....					

THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ TRA CỨU THÔNG TIN
(Ký và ghi rõ họ, tên - đóng dấu đối với đơn vị có con dấu)

Biểu mẫu B1-GUQ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược;

- Căn cứ Quyết định số ... /QĐ- .... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

Hôm nay, ngày … tháng … năm 20…, chúng tôi gồm có:

I. Bên ủy quyền:

1. Họ và tên: ……Số điện thoại:……
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác: .....
5. Địa chỉ: .....
6. Số CCCD/Hộ chiếu:... ……..Nơi cấp:……..... Ngày cấp: .....

II. Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên: ……Số điện thoại:……
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Chức danh khoa học/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác: .....
5. Địa chỉ: .....
6. Số CCCD/Hộ chiếu:... ……..Nơi cấp:……..... Ngày cấp: .....

III. Nội dung ủy quyền:

Tôi ủy quyền cho Ông/Bà: ....., Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn), thay mặt tôi chủ trì các cuộc họp của Hội đồng tư vấn trong trường hợp tôi không thể tham dự; thực hiện các nhiệm vụ,

quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng theo quy định tại Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN).

Giấy ủy quyền này có hiệu lực đối với các cuộc họp của Hội đồng tư vấn được tổ chức trong thời gian tôi không thể tham dự và chấm dứt hiệu lực khi tôi trực tiếp chủ trì cuộc họp của Hội đồng tư vấn hoặc có văn bản chấm dứt việc ủy quyền.

IV. Cam kết:

1. Bên ủy quyền cam kết việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định của Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung ủy quyền.

2. Bên được ủy quyền cam kết thực hiện đúng nội dung được ủy quyền theo quy định của Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

Bên ủy quyền	**Bên được ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Ủy viên phản biện	
Chủ tịch/Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng tư vấn[17]:

.....

.....

Tên đề xuất nhiệm vụ[18]:

.....

.....

I. NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ (đánh dấu **X** vào ô lựa chọn)

1. Đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt[19] quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP:

.....

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

2. Có tính cấp thiết, tính mới; giải quyết được vấn đề, bài toán thực tiễn của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương:

.....

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

3. Có tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc hình thành năng lực làm chủ công nghệ, sản phẩm của quốc gia hoặc có tầm quan trọng đối với quốc phòng, an ninh:

.....

[17] Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn).
[18] Đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ).
[19] Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt).

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

4. Huy động nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học:

.....

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

5. Có đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc có phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả, phù hợp với tính chất và mục tiêu của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

6. Không trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

.....

.....

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

Kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn:

☐ Đề nghị không thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

II. DỰ KIẾN NỘI DUNG PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

1. Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....

.....

2. Mục tiêu:

.....

.....

3. Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá:

.....

.....

4. Đề xuất phương án tổ chức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp: *(trường hợp giao trực tiếp, đề xuất tổ chức, doanh nghiệp giao trực tiếp, ghi rõ lý do đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)*

.....
.....

5. Nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....
.....

III. THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

1. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....
.....

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....
.....

3. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

.....
.....

4. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

.....
.....

5. Dự kiến hiệu quả và tác động:

.....
.....

6. Thời gian thực hiện:

.....
.....

7. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: ……%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[21]: ……%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[21] Từ khoản chi của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các nguồn chi khác (nếu có).

Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Tên đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....
.....

Đánh giá của thành viên Hội đồng tư vấn[22]: (đánh dấu **X** vào ô lựa chọn)

1. Đáp ứng mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt[23] quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

2. Có tính cấp thiết, tính mới; giải quyết được vấn đề, bài toán thực tiễn của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

3. Có tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc hình thành năng lực làm chủ công nghệ, sản phẩm của quốc gia hoặc có tầm quan trọng đối với quốc phòng, an ninh:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

4. Huy động nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

5. Có đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc có phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả, phù hợp với tính chất và mục tiêu của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

[22] Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn).
[23] Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt).

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

6. Không trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung:

☐ Đề nghị thực hiện ☐ Đề nghị không thực hiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày… tháng… năm 20…

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Quyết định thành lập Hội đồng số ……/QĐ-…. ngày …/…/20… của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Tổng số thành viên Hội đồng tham dự: ...../….

Số thành viên vắng mặt:...., gồm: .....

3. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

4. Kết quả:

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược	Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng													
		Nội dung 1		Nội dung 2		Nội dung 3		Nội dung 4		Nội dung 5		Nội dung 6		Kết luận chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Thực hiện	Không thực hiện
1															
…															

Thư ký khoa học
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu B5-BBHĐ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn):

Quyết định số ...../QĐ-.... ngày .../ .../20… của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Số lượng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược: ……

3. Phương thức, thời gian và địa điểm họp Hội đồng tư vấn:

- Phương thức:
- Thời gian và địa điểm:

+ Thời gian:

+ Địa điểm:

- Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: .../...
- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

.....

.....

- Khách mời tham dự họp Hội đồng tư vấn

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
....	.....	.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.

2. Đại diện bộ, ngành, địa phương trao đổi với Hội đồng tư vấn một số nội dung liên quan đến xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng.

3. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc và cử ông/bà…… làm thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn.

4. Đại diện tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ) hoặc chuyên gia tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ trình bày nội dung cơ bản của đề xuất nhiệm vụ.

5. Các ủy viên phản biện trình bày ý kiến đánh giá các đề xuất nhiệm vụ do bộ, ngành, địa phương cung cấp.

6. Hội đồng tư vấn phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với các đề xuất nhiệm vụ theo các nội dung quy định tại Điều 4, 5, 6 và Điều 7 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Thông tư); xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng và tổng hợp kiến nghị nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

7. Thành viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ về các nội dung trên theo Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn theo Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Hội đồng tư vấn thông qua kết luận theo Phụ lục kèm theo Biên bản này.

8. Các ủy viên phản biện trình bày nội dung dự kiến xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng được đánh giá "Đề nghị thực hiện", gồm: dự kiến nội dung phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng, thông tin và cơ sở xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

9. Hội đồng tư vấn thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các nội dung của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng; thông tin nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng theo Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

10. Hội đồng tư vấn thảo luận việc xếp thứ tự ưu tiên (trong trường hợp có 02 nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng trở lên) và biểu quyết đối với việc xếp thứ tự ưu tiên.

11. Đối với đề xuất nhiệm vụ được đề nghị "Không thực hiện", Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến về lý do không đề nghị thực hiện.

12. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất, kết luận đối với các ý kiến khác nhau của các thành viên (nếu có).

13. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký khoa học	**Chủ tịch Hội đồng**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

GHI CHÉP CỦA THƯ KÝ KHOA HỌC
Tên đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược

Nội dung ghi chép:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

……, ngày ... tháng ... năm 20...
THƯ KÝ KHOA HỌC
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục Biên bản họp Hội đồng tư vấn

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. Đề xuất nhiệm vụ "Đề nghị thực hiện"[24]

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
…	……..		

II. Đề xuất nhiệm vụ đề nghị "Không thực hiện"

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Tóm tắt lý do đề nghị "Không thực hiện"	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
…	……..		

Thư ký khoa học
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[24] *Đề xuất nhiệm vụ "Đề nghị thực hiện" khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá "Đạt yêu cầu*".

Biểu mẫu B6-KNHĐ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

I. Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng kiến nghị thực hiện

1. Tên nhiệm vụ:

.....
.....

2. Căn cứ xây dựng:

2.1. Căn cứ pháp lý

Nêu căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN[25]; Nghị quyết, quy hoạch, chương trình, đề án của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan nhiệm vụ.

.....
.....
.....

2.2. Công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược có liên quan:

Tên và số thứ tự công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành mà nhiệm vụ hướng tới.

.....
.....
.....

3. Tính cấp thiết:

3.1. Bài toán hoặc nhu cầu thực tiễn cần giải quyết

Nêu rõ bài toán, vấn đề của quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc nhu cầu thị trường cần giải quyết; tính mới, tính cấp thiết và hệ quả nếu không giải quyết.

.....
.....
.....

3.2. Lý do cần Nhà nước xem xét đặt hàng

[25] Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

Làm rõ tính cấp thiết, tính chiến lược, mức độ rủi ro, quy mô nguồn lực hoặc yêu cầu phối hợp vượt quá khả năng tự triển khai của một tổ chức, doanh nghiệp.

.....

.....

4. Mục tiêu:

4.1. Mục tiêu tổng quát

Nêu kết quả cuối cùng cần đạt, gắn trực tiếp với bài toán cần giải quyết.

.....

.....

4.2. Mục tiêu cụ thể

Nêu các mục tiêu chính, đáp ứng mục tiêu của Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

.....

.....

.....

5. Yêu cầu đối với sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá cần đạt:

5.1 Sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá

Nêu sản phẩm đầu ra chính, số lượng, các chỉ tiêu đánh giá cần đạt.

.....

.....

.....

5.2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất của nhiệm vụ, nêu các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, như: đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được hình thành; bài báo khoa học được công bố; công nghệ lõi được làm chủ hoặc tạo ra; thiết kế, giải pháp hoặc quy trình công nghệ cần làm chủ; tỷ lệ giá trị gia tăng hoặc tỷ lệ nội địa hóa cần đạt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng; giá trị kinh tế tạo ra; các tiêu chí khác (nếu có).

.....

.....

.....

6. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

6.1. Năng lực trong nước có thể huy động

Nêu nhóm tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có khả năng tham gia; không bắt buộc xác định tổ chức chủ trì chính thức.

.....

.....

.....

6.2. Phương án tổ chức triển khai

Nêu dự kiến phương án phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức nước ngoài (nếu có).

.....

.....

.....

6.3. Rủi ro chính và phương án xử lý sơ bộ:

Đánh giá các rủi ro chính của nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý.

.....

.....

.....

7. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

Căn cứ tính chất, mục tiêu của nhiệm vụ, nêu dự kiến đơn vị tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc nêu phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả.

.....

.....

.....

8. Dự kiến hiệu quả và tác động:

Nêu tác động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh; khả năng tạo giá trị gia tăng, tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập khẩu, khả năng xuất khẩu, tạo việc làm, hình thành chuỗi cung ứng và các tác động lan tỏa khác.

8.1. Về kinh tế - xã hội

8.2. Về khoa học và công nghệ

8.3. Về quốc phòng, an ninh

.....

.....

.....

9. Thời gian thực hiện:

10. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: ……%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[26]: ……%.

11. Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược của nhiệm vụ kiến nghị đặt hàng:

.....

[26] Từ khoản chi của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các nguồn chi khác (nếu có).

.....

.....

II. Nội dung phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng do Hội đồng tư vấn kiến nghị

TT	Tên nhiệm vụ kiến nghị đặt hàng	Mục tiêu	Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					

Thư ký khoa học
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu B7-KNCG-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

KIẾN NGHỊ CỦA CHUYÊN GIA TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI TƯ VẤN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

I. Thông tin nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng kiến nghị thực hiện

1. Tên nhiệm vụ:

.....
.....

2. Căn cứ xây dựng:

2.1. Căn cứ pháp lý

Nêu căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN[27]; Nghị quyết, quy hoạch, chương trình, đề án của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan nhiệm vụ.

.....
.....
.....

2.2. Công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược có liên quan:

Tên và số thứ tự công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành mà nhiệm vụ hướng tới.

.....
.....
.....

3. Tính cấp thiết:

3.1. Bài toán hoặc nhu cầu thực tiễn cần giải quyết

Nêu rõ bài toán, vấn đề của quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc nhu cầu thị trường cần giải quyết; tính mới, tính cấp thiết và hệ quả nếu không giải quyết.

.....
.....
.....

3.2. Lý do cần Nhà nước xem xét đặt hàng

[27] Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

Làm rõ tính cấp thiết, tính chiến lược, mức độ rủi ro, quy mô nguồn lực hoặc yêu cầu phối hợp vượt quá khả năng tự triển khai của một tổ chức, doanh nghiệp.

.....

.....

.....

4. Mục tiêu:

4.1. Mục tiêu tổng quát

Nêu kết quả cuối cùng cần đạt, gắn trực tiếp với bài toán cần giải quyết.

.....

.....

.....

4.2. Mục tiêu cụ thể

Nêu các mục tiêu chính, đáp ứng mục tiêu của Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

.....

.....

.....

5. Dự kiến yêu cầu đối với sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá cần đạt:

5.1 Sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá

Nêu sản phẩm đầu ra chính, số lượng, các chỉ tiêu đánh giá cần đạt.

.....

.....

5.2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất của nhiệm vụ, nêu các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, như: đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được hình thành; bài báo khoa học được công bố; công nghệ lõi được làm chủ hoặc tạo ra; thiết kế, giải pháp hoặc quy trình công nghệ cần làm chủ; tỷ lệ giá trị gia tăng hoặc tỷ lệ nội địa hóa cần đạt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng; giá trị kinh tế tạo ra; các tiêu chí khác (nếu có).

.....

.....

6. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

6.1. Năng lực trong nước có thể huy động

Nêu nhóm tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có khả năng tham gia; không bắt buộc xác định tổ chức chủ trì chính thức.

.....

.....

.....

6.2. Phương án tổ chức triển khai

Nêu dự kiến phương án phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức nước ngoài (nếu có).

.....

.....

.....

6.3. Rủi ro chính và phương án xử lý sơ bộ:

Đánh giá các rủi ro chính của nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý.

.....

.....

.....

7. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

Căn cứ tính chất, mục tiêu của nhiệm vụ, nêu dự kiến đơn vị tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc nêu phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả.

.....

.....

.....

8. Dự kiến hiệu quả và tác động:

Nêu tác động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh; khả năng tạo giá trị gia tăng, tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập khẩu, khả năng xuất khẩu, tạo việc làm, hình thành chuỗi cung ứng và các tác động lan tỏa khác.

8.1. Về kinh tế - xã hội

8.2. Về khoa học và công nghệ

8.3. Về quốc phòng, an ninh

.....

.....

.....

9. Thời gian thực hiện:

10. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: ……%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[28]: ……%.

11. Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược của nhiệm vụ kiến nghị đặt hàng:

.....

[28] Từ khoản chi của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp các nguồn chi khác (nếu có).

.....
.....
.....

II. Nội dung phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng do chuyên gia tư vấn kiến nghị

TT	Tên nhiệm vụ kiến nghị đặt hàng	Mục tiêu	Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia trong nước, nước ngoài)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					

CHUYÊN GIA TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu B8-NVĐH-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẶC BIỆT VỀ CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

(Kèm theo Công văn số.....ngày.....tháng .....năm 20.....
của bộ, ngành, địa phương)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:

.....
.....

2. Thời gian thực hiện dự kiến: …….. tháng (từ tháng … năm … đến tháng … năm …).

3. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: ……tỷ đồng.

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện được xác định trên cơ sở các nội dung chi tại Phụ lục kèm theo Biểu mẫu này.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: ……%.
- Ngoài ngân sách nhà nước[29]: ……%.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Căn cứ xây dựng:

1.1. Căn cứ pháp lý

Nêu trường hợp và căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN[30]; Nghị quyết, quy hoạch, chương trình, đề án của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan nhiệm vụ.

.....
.....
.....

1.2. Công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược có liên quan:

Ghi tên và số thứ tự trong Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

---

[29] Từ khoản chi của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các nguồn chi khác (nếu có).

[30] Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

.....
.....
.....

2. Tính cấp thiết:

2.1. Bài toán hoặc nhu cầu thực tiễn cần giải quyết

Nêu rõ bài toán, vấn đề của quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc nhu cầu thị trường cần giải quyết; tính mới, tính cấp thiết và hệ quả nếu không giải quyết.

.....
.....
.....

2.2. Lý do cần Nhà nước xem xét đặt hàng

Làm rõ tính cấp thiết, tính chiến lược, mức độ rủi ro, quy mô nguồn lực hoặc yêu cầu phối hợp vượt quá khả năng tự triển khai của một tổ chức, doanh nghiệp.

.....
.....
.....

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nêu kết quả cuối cùng cần đạt, gắn trực tiếp với bài toán cần giải quyết.

.....
.....
.....

3.2. Mục tiêu cụ thể

Nêu các mục tiêu chính, đáp ứng mục tiêu của Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

.....
.....
.....

4. Yêu cầu đối với sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá cần đạt:

4.1 Sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá

Nêu sản phẩm đầu ra chính, số lượng, các chỉ tiêu đánh giá cần đạt.

.....
.....
.....

4.2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất của nhiệm vụ, nêu các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm đáp ứng tiêu chí nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, như: đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được hình thành; bài báo khoa học được công bố; công nghệ lõi được làm chủ hoặc tạo ra; thiết kế, giải pháp hoặc quy trình công nghệ cần

làm chủ; tỷ lệ giá trị gia tăng hoặc tỷ lệ nội địa hóa cần đạt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng; giá trị kinh tế tạo ra; các tiêu chí khác (nếu có).

.....

.....

.....

5. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

5.1. Năng lực trong nước có thể huy động

Nêu nhóm tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có khả năng tham gia; không bắt buộc xác định tổ chức chủ trì chính thức.

.....

.....

.....

5.2. Phương án tổ chức triển khai

Nêu dự kiến phương án phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức nước ngoài (nếu có).

.....

.....

.....

5.3. Rủi ro chính và phương án xử lý sơ bộ:

Đánh giá các rủi ro chính của nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý.

.....

.....

.....

6. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

Căn cứ tính chất, mục tiêu của nhiệm vụ, nêu dự kiến đơn vị tiếp nhận, ứng dụng, khai thác kết quả hoặc nêu phương án tiếp tục phát triển, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả.

.....

.....

.....

7. Dự kiến hiệu quả và tác động:

Nêu tác động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh; khả năng tạo giá trị gia tăng, tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập khẩu, khả năng xuất khẩu, tạo việc làm, hình thành chuỗi cung ứng và các tác động lan tỏa khác.

7.1. Về kinh tế - xã hội

7.2. Về khoa học và công nghệ

7.3. Về quốc phòng, an ninh

.....

.....

.....

8. Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....
.....
.....

III. NỘI DUNG PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Mục tiêu	Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chuyên gia)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					

BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN KHÁC Ở TRUNG ƯƠNG, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu mẫu C1-PNXLB-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LIÊN BỘ/[17]
TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

PHIẾU NHẬN XÉT
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

Họ và tên thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ/Tổ chuyên gia liên Bộ:

.....
.....

Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....
.....

I. Nhận xét nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng

1. Căn cứ xây dựng và tính cấp thiết của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là nhiệm vụ đặt hàng):

.....
.....

2. Sự phù hợp của nhiệm vụ đặt hàng đối với Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt):

.....
.....

3. Sự đáp ứng của nhiệm vụ đặt hàng đối với mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao:

.....
.....

4. Không trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

.....
.....

[17] Hội đồng tư vấn liên Bộ thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn liên Bộ); Tổ chuyên gia liên Bộ rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là Tổ chuyên gia liên Bộ).

5. Tên của nhiệm vụ đặt hàng:

.....

.....

6. Mục tiêu của nhiệm vụ đặt hàng:

.....

.....

7. Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá:

.....

.....

8. Phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp:

.....

.....

9. Nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....

.....

10. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

11. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

.....

.....

12. Dự kiến hiệu quả và tác động:

.....

.....

II. Kết luận của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ/Tổ chuyên gia liên Bộ

Kết luận phải thể hiện rõ:

1. Đối với thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ: Nhiệm vụ đặt hàng đủ điều kiện phê duyệt; đủ điều kiện phê duyệt nhưng cần hoàn thiện, bổ sung (nêu rõ nội dung cần hoàn thiện, bổ sung); hoặc không đủ điều kiện phê duyệt.

.....

.....

2. Đối với thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ: nhiệm vụ đặt hàng đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để phê duyệt.

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LIÊN BỘ/
TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu C2-BBHĐLB-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LIÊN BỘ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LIÊN BỘ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

A. Những thông tin chung

1. Căn cứ pháp lý thành lập Hội đồng tư vấn liên Bộ thẩm định nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn liên Bộ); Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn liên Bộ: Quyết định số ...../QĐ-BKHCN ngày ... tháng ... năm 20…... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thẩm định (sau đây viết tắt là nhiệm vụ thẩm định):

.....

.....

3. Phương thức, thời gian và địa điểm họp Hội đồng tư vấn liên Bộ:

- Phương thức:
- Thời gian và địa điểm:

+ Thời gian:

+ Địa điểm:

- Số thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ có mặt trên tổng số thành viên: ../..
- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

.....

.....

- Khách mời tham dự họp Hội đồng tư vấn liên Bộ (nếu có):

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
....	.....	.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn liên Bộ

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn liên Bộ.

2. Chủ tịch Hội đồng tư vấn liên Bộ trao đổi về phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn liên Bộ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu

và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt).

3. Đại diện bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược hoặc chuyên gia tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược trình bày nội dung cơ bản của đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; chủ động cung cấp thông tin, tài liệu liên quan phục vụ hoạt động tư vấn của Hội đồng tư vấn liên Bộ (nếu có); cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn liên Bộ;

4. Ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ[18]:

.....

.....

5. Ý kiến của đại diện bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng:

.....

.....

6. Ý kiến bảo lưu của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ (nếu có):

.....

.....

7. Các ý kiến thẩm định khác (nếu có):

.....

.....

8. Kết luận của Hội đồng tư vấn liên Bộ về các nội dung chính sau:

8.1. Căn cứ xây dựng và tính cấp thiết của nhiệm vụ thẩm định:

.....

.....

8.2. Sự phù hợp của nhiệm vụ thẩm định đối với Chương trình quốc gia đặc biệt:

.....

.....

8.3. Sự đáp ứng của nhiệm vụ thẩm định đối với mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao:

.....

.....

[18] Ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn liên Bộ: thẩm định và cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được phân công về việc hồ sơ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng và theo các nội dung quy định ở mục 8.

8.4. Kết quả rà soát trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

.....

.....

8.5. Tên của nhiệm vụ thẩm định:

.....

.....

8.6. Mục tiêu của nhiệm vụ thẩm định:

.....

.....

8.7. Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá:

.....

.....

8.8. Phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp:

.....

.....

8.9. Nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....

.....

8.10. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

8.11. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

.....

.....

8.12. Dự kiến hiệu quả và tác động:

.....

.....

Kết luận: (*kết luận Hội đồng tư vấn liên Bộ cần thể hiện rõ: Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng đủ điều kiện phê duyệt; đủ điều kiện phê duyệt nhưng cần hoàn thiện, bổ sung (nêu rõ nội dung cần hoàn thiện, bổ sung); hoặc không đủ điều kiện phê duyệt).*

.....

.....

9. Hội đồng tư vấn liên Bộ thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký Hội đồng tư vấn liên Bộ	**Chủ tịch Hội đồng tư vấn liên Bộ**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Biểu mẫu C3-BCTĐ-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /BCTĐ-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược

Kính gửi: …… (*bộ, ngành, địa phương đặt hàng*)

Thực hiện quy định tại Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (sau đây viết tắt là Nghị định số 260/2026/NĐ-CP), Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt), theo đề nghị tại Công văn số…./… ngày…tháng…năm…của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt, kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn liên Bộ[19] ngày…tháng…năm 20…, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến thẩm định đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ đặt hàng) với các nội dung chính như sau:

1. Căn cứ xây dựng và tính cấp thiết của nhiệm vụ đặt hàng:

.....

.....

2. Sự phù hợp của nhiệm vụ đặt hàng đối với Chương trình quốc gia đặc biệt:

.....

.....

[19] Hội đồng tư vấn liên Bộ được thành lập theo Quyết định số …/QĐ-BKHCN ngày … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; được mời họp theo Giấy mời số …/GM-BKHCN ngày … tháng … năm …. Tại cuộc họp thẩm định có mặt …/… thành viên; vắng mặt …/…thành viên (gồm: đại diện bộ, ngành,…vắng mặt, chuyên gia nếu có)

3. Sự đáp ứng của nhiệm vụ đặt hàng đối với mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP:

.....

.....

4. Kết quả rà soát trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

.....

.....

5. Tên của nhiệm vụ đặt hàng:

.....

.....

6. Mục tiêu của nhiệm vụ đặt hàng:

.....

.....

7. Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá:

.....

.....

8. Phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp:

.....

.....

9. Nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....

.....

10. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

11. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

.....

.....

12. Dự kiến hiệu quả và tác động:

.....

.....

13. Các ý kiến thẩm định khác (nếu có):

.....

.....

14. Kết luận:

(Kết luận tại báo cáo thẩm định cần thể hiện rõ: Nhiệm vụ đặt hàng đủ điều kiện phê duyệt; đủ điều kiện phê duyệt nhưng cần hoàn thiện, bổ sung (nêu rõ nội dung cần hoàn thiện, bổ sung); hoặc không đủ điều kiện phê duyệt).

.....

.....

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược, gửi bộ, ngành, địa phương./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng;
- …
- Lưu: VT, ...

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu mẫu C4-BBTCGLB-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ RÀ SOÁT, LỰA CHỌN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

BIÊN BẢN HỌP TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ RÀ SOÁT, LỰA CHỌN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

A. Những thông tin chung

1. Căn cứ pháp lý thành lập Tổ chuyên gia liên Bộ rà soát, lựa chọn nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng (sau đây viết tắt là Tổ chuyên gia liên Bộ); Quyết định thành lập Tổ chuyên gia liên Bộ: Quyết định số ...../QĐ-BKHCN ngày .../ .../20….. của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng rà soát, lựa chọn (sau đây viết tắt là nhiệm vụ rà soát): ……

.....

.....

3. Phương thức, thời gian và địa điểm họp Tổ chuyên gia liên Bộ:

- Phương thức:
- Thời gian và địa điểm:

+ Thời gian:

+ Địa điểm:

- Số thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ có mặt trên tổng số thành viên: ../..
- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

.....

.....

- Khách mời tham dự họp Tổ chuyên gia liên Bộ (nếu có):

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
....	.....	.....

B. Nội dung làm việc của Tổ chuyên gia liên Bộ

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia liên Bộ.

2. Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên Bộ trao đổi về phương thức làm việc của Tổ chuyên gia liên Bộ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

3. Ý kiến của thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ[20]:

.....

.....

4. Ý kiến bảo lưu của thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ (nếu có):

.....

.....

5. Các ý kiến thẩm định khác (nếu có):

.....

.....

6. Kết luận của Tổ chuyên gia liên Bộ về các nội dung chính sau:

6.1. Căn cứ xây dựng và tính cấp thiết của nhiệm vụ rà soát:

.....

.....

6.2. Sự phù hợp của nhiệm vụ rà soát đối với Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình quốc gia đặc biệt):

.....

.....

6.3. Sự đáp ứng của nhiệm vụ rà soát đối với mục tiêu của Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình quốc gia đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao:

.....

.....

6.4. Kết quả rà soát trùng lặp với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

.....

.....

6.5. Tên của nhiệm vụ rà soát:

.....

.....

6.6. Mục tiêu của nhiệm vụ rà soát:

.....

[20] Ý kiến của thành viên Tổ chuyên gia liên Bộ: rà soát, lựa chọn và cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được phân công về hồ sơ nhiệm vụ rà soát và theo các nội dung quy định ở mục 6.

.....

6.7. Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá:

.....

.....

6.8. Phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp:

.....

.....

6.9. Nguồn đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

.....

.....

6.10. Tính khả thi và phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

6.11. Khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng kết quả:

.....

.....

6.12. Dự kiến hiệu quả và tác động:

.....

.....

Kết luận: *(Kết luận của Tổ chuyên gia liên Bộ cần thể hiện rõ: Nhiệm vụ rà soát đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt).*

7. Tổ chuyên gia liên Bộ thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký Tổ chuyên gia liên Bộ	**Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên Bộ**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Biểu mẫu C5-KNTCG-CNCL
42/2026/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ RÀ SOÁT, LỰA CHỌN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày… tháng… năm 20....

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CHUYÊN GIA LIÊN BỘ ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẶT HÀNG

TT	Tên nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đặt hàng	Mục tiêu	Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá	Phương thức tổ chức thực hiện	Xác định nguồn đề xuất nhiệm vụ (tên doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, chuyên gia)
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*
1					
2					
3					
…	…….				

Thư ký Tổ chuyên gia liên Bộ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên Bộ
(Ký và ghi rõ họ, tên)